

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng
Chương: 004

DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026 VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN TRỰC THUỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKSHP ngày /01/2026 của Viện trưởng VKSND TP Hải Phòng)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	2	3	4	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
I	Nguồn ngân sách trong nước						
1	Chi quản lý hành chính	155.633.700.000	155.633.700.000	58.132.900.000	7.452.600.000	8.219.800.000	9.700.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	135.795.200.000	135.795.200.000	45.455.800.000	6.916.400.000	7.612.400.000	8.965.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	19.838.500.000	19.838.500.000	12.677.100.000	536.200.000	607.400.000	735.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
II	Nguồn vốn viện trợ						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKSHP ngày /01/2026 của Viện trưởng VKSND TP Hải Phòng)

Đơn vị tính: Đồng

[illegible]

[illegible]